

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24 /2023/HNGĐ - ST

Ngày: 09/3/2023

V/v : Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA - TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Vân

Ông Lê Cát Tường

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Minh Phương - Thư ký Tòa án thành phố Thanh Hóa.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2022/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2023/QĐXX-ST ngày 24 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Lê Văn T - Sinh năm 1990 “có mặt”

ĐKKH: H, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa

Nơi ở hiện nay: D, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Diễm S - Sinh năm 1992 “vắng mặt”

ĐKKH: H, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa

Nơi ở hiện nay: T, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh Lê Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Diễm S kết hôn với nhau vào năm 2013, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thành phố T. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do quan điểm cách sống khác nhau dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm chửi bới, đánh đập nhau, tình cảm ngày càng rạn nứt. Mâu thuẫn của anh chị đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng

nên anh chị đã sống ly thân nhau từ tháng 8/2022 cho đến nay. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị S.

Về con: Anh chị có 02 con chung: cháu Lê Thiên B, sinh ngày 08/5/2014 và cháu Lê Tuệ L, sinh ngày 19/9/2018. Ly hôn, anh đề nghị được nuôi cả 02 cháu và không yêu cầu chị S phải cấp dưỡng nuôi con.

Quá trình giải quyết vụ án anh thay đổi quan điểm nếu chị S cương quyết xin được nuôi con thì anh đề nghị giao mỗi người nuôi một cháu và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn chị Nguyễn Thị Diễm S trình bày:

Về hôn nhân: Thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn chị đồng ý như anh T trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do anh T không quan tâm đến gia đình dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt và đã sống ly thân nhau. Nay anh T có đơn xin ly hôn, chị không đồng ý ly hôn vì đang còn tình cảm với anh T và mong muốn vợ chồng hàn gắn tình cảm để cùng nhau nuôi dạy con cái.

Về con: Chị đồng ý có 02 con chung như anh T trình bày. Trường hợp anh chị phải ly hôn thì chị xin được nuôi cả 02 cháu và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/tháng/01 cháu (02 cháu là 6.000.000đ/tháng).

Về tài sản, công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh T vẫn giữ nguyên quan điểm về hôn nhân và về phần tài sản, công nợ. Anh thay đổi quan điểm về con như sau: anh đồng ý giao 02 cháu cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng/01 cháu (02 cháu là 4.000.000đ/tháng). Chị S có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành của đương sự kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đại diện VKS đề nghị Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình. Về hôn nhân: đề nghị xử cho anh T được ly hôn chị S; về con: giao 02 cháu cho chị S nuôi dưỡng, anh T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng/01 cháu (02 cháu 4.000.000đ/tháng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Đây là vụ án hôn nhân gia đình, bị đơn cư trú tại thành phố T. Do đó, Tòa án thành phố Thanh Hóa thụ lý và giải quyết là đúng quy định. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về hôn nhân: Anh Lê Văn T và chị Nguyễn Thị Diễm S kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án anh chị thừa nhận vợ chồng chung sống có xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân. Tại kết quả thu thập chứng cứ tại địa phương thể hiện: địa phương không rõ mâu thuẫn của anh chị nhưng anh chị hiện đã không còn sống tại địa phương. Mặc dù, chị S không đồng ý ly hôn nhưng cũng không có biện pháp gì để cải thiện tình cảm của vợ chồng. Xét việc xin đoàn tụ của chị là không có cơ sở, mặt khác quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh T vẫn tha thiết xin được ly hôn. Do đó, nếu buộc anh chị về đoàn tụ thì cuộc sống chung của vợ chồng cũng khó có thể cải thiện được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho anh T được ly hôn với chị S là phù hợp.

Về con: Anh chị đều thừa nhận có 02 con chung. Quá trình giải quyết vụ án, anh T đề nghị giao mỗi người nuôi một cháu và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Quan điểm của chị S xin được nuôi 02 cháu và yêu cầu anh T cấp dưỡng 3.000.000đ/tháng/01 cháu (02 cháu là 6.000.000đ/tháng). Tại phiên tòa anh T thay đổi quan điểm là đồng ý giao 02 cháu cho chị S nuôi dưỡng, nhưng anh trình bày công việc của anh là làm về bất động sản do hiện nay không ổn định nên anh chỉ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng/01 cháu (02 cháu là 4.000.000đ/tháng). Xét thấy việc anh đồng ý giao 02 cháu cho chị S nuôi dưỡng cung như mức cấp dưỡng anh đề nghị là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Về tài sản, công nợ: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ theo quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/QH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5,

điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho anh Lê Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Diễm S.

Về con: Anh chị có 02 con chung: cháu Lê Thiên B, sinh ngày 08/5/2014 và cháu Lê Tuệ L, sinh ngày 19/9/2018. Giao 02 cháu cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng, anh T cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/tháng/01 cháu (02 cháu là 4.000.000đ/tháng). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 3/2023 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung, không được ai cản trở.

Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí: Anh Lê Văn T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai số AA/2021/0002253 ngày 27/9/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thanh Hóa (anh T còn phải nộp 300.000đ án phí).

Anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- VKSND TPTH;
- THATPTH;
- UBND P. Đ;
- Lưu hồ sơ .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thủy